G. M. Đ. Hồ Ngọc Cẩn

TRIẾT NHÂN

TRI KY

LA VRAIE SAGESSE

Imprimerie De Phú Nhai
1936

IMPRIMATUR
Fr. Joannes Serra O. P.
Vic, Prov,

IMPRIMATUR
✠ Fr. PETRUS MUNAGORRI TRUNG O. P.
Vic, Ap.

BÀI LƯỢC THUYẾT

Gẫm phận mình tài hèn trí bạc; dám đâu chữ hùng biện cao đàm: song nghĩ tình khách quý bạn vàng, mới ra tay luận bàn chân giả. Phàm người đời ai cũng muốn gọi rằng khôn, chẳng ai ưa mang tiếng dại; song dại khôn cách nhau một nước, mà tới lui lại rẽ hai đàng. Đàng khôn ấy là nẻo chính, đàng dại ắt thật nẻo tà, chính tà mà biết biện bác phân minh mới rõ tình là khôn dại. Chớ miệng mình xưng mình là khôn, thì chưa thật là khôn, mà miệng chúng gọi mình là dại thì cũng chưa chắc là dại.

Thày Phu-tử rằng: *Nhân giai viết dư trí, sử nhi nạp chư cổ, hoạch hãm tỉnh chi trung, nhi mạc chi tri tị dã,* nghĩa là ai ai cũng xưng mình là khôn, hay đâu chạy mắc

lưới, sa xuống hầm mà chẳng ai biết lánh cho khỏi. Xét nhời ấy đủ rõ miệng mình xưng mình khôn thì chưa chắc là khôn; xét cách ăn nết ở mới hay là khôn dại; xét cho tường biểu lý mới rõ được dại khôn. Chữ rằng: *vật hữu bản mạt sự hữu chung thủy, tri kỳ tiên hậu, tắc cận đạo hĩ;* vật có gốc có ngọn, việc có sau có trước, biết điều nào là trước điều nào là sau, ấy là gần nẻo khôn ngoan mà chớ. Vậy sự khôn ngoan thì ở tại nơi sự biết; biết cho đúng ấy gọi là khôn, biết không trúng đáng cho là dại.

Tri kỳ tiên hậu; biết cái điều nào là trước cái điều nào là sau, và cái nào phải biết trước, cái nào nên biết sau, thì cũng phải xét nữa, mới kể là khôn. Thế gian có ngạn rằng: *Có trong nhà mới ra ngoài*

ngõ. Ấy chỉ nghĩa phải lo cho trong nhà cụ túc đã, sau mới phân phát ra ngoài.

Vậy sự thông minh cũng vậy: Trước phải minh về mình đã sau mới thông truyện khác; việc mình chưa thông dầu thông thiên kinh vạn quyền cũng chẳng đáng kể là thông, vì có câu thiên hạ thường nói rằng: *Triết nhân tri kỷ,* người khôn ngoan thì biết mình, vậy kẻ chẳng biết mình thì gọi làm sao? Ôi! Tội nghiệp cho kẻ chẳng biết mình. Song kẻ chẳng biết mình mà ngờ rằng biết, thì càng tội nghiệp hơn nữa mà chớ. Vậy nay nên diễn ít bài cho ai nấy được rõ biết mình là làm sao, để cho kẻ đã biết mình thì giữ lấy mình; kẻ chưa biết mình thì lo học cho biết, kẻo một mai thấy mình. *Xưa chẳng biết rầy mới hay, hay xưa chẳng liệu, biết rầy khó toan*.

BÀI THỨ I

Làm người trước phải biết mình,
Phận mình chưa biết thông minh được gì?

Triết nhân tri kỷ. Người khôn ngoan thì biết mình. Ai đâu dại đến nỗi mình không biết mình? Điều ấy nghe qua coi cũng lạ, mà gẫm lại thấy cũng thường. Kia giả sử mà coi: giả như ai có phép hiện hình anh in hệt, mà đi gặp anh giữa đàng, ắt là anh nói người nào lạ mặt lạ mày, chẳng biết là ai mà chào hỏi. Dẫu anh soi gương đã mấy phen, vừa cất gương anh liền quên mặt. Song tôi gặp anh một lần cũng đủ làm quen, gặp một phen cũng còn nhớ mặt.

Ấy xét mặt mình mà nghĩ đến phận mình, ai đã biết được mình thì ấy là kẻ

khôn ngoan; người khôn ngoan thật thì trước phải lo biết mình. Biết mình là điều can hệ, vì đi đâu cũng phải mang lấy mình, sống thác cũng phải vác lấy mình. Cha mẹ, anh em, bà con ruột thịt, còn có thế mà cách biệt phân ly, bạc vàng của cải, chức tước vinh ba cũng có ngày giã từ mặc thế. Còn chí như mình thì luôn những vuối mình, muôn năm chẳng bỏ, ngàn kiếp không rời. Vậy không lo mà biết mình thì biết ai? Được phú quý vinh ba, được tiền tài chức tước, mà không được mình, thì vinh ba nọ cũng vô duyên, phú quý kia càng thêm rối. Cho dầu thông thiên đạt địa, mà thiên tư không biết, địa vị chẳng hay thì cũng thành ra vô lối. Thiên văn địa lý lảu thông, mà phận

mình làm sao không biết, thì chẳng qua thà thiên lôi địa tướng: nói nghe tứ bạo lùng đùng, ai hay nổ cái đùng rồi song truyện. Biết cao bay xa chạy, biết dò suối lặn sông, luyện thạo nghề chơi khí giởn mây, biết vẫy vùng lòng sông đáy biển, đua bơi với chim giời cá nước, xem ra chẳng còn thuộc chốn trần gian: như vậy thật là anh hùng chấn thế, thật là nổi tiếng ngàn thu, song giả như thông thạo các điều thể ấy, mà phận riêng mình chẳng thông, thì sao cho đáng gọi là *Triết nhân* vì đã quên câu *Tri kỷ*.

Vậy *Tri kỷ* là làm sao? Là lo mà biết mình, lo mà nhớ lấy mình; có biết mình nhớ mình thì mới ở nên thân; hễ quên mình liền sinh trăm ương ngàn tệ. Lấy ví

dụ mà coi: nếu như phận làm học trò mà chẳng nhớ mình là học trò thì làm sao mà ở cho xứng lẽ nào mà học cho nên? Đã chẳng biết mình là học trò thì đạo thày trò cũng chẳng xem sao, việc văn chương cũng không ái mộ. Nghiệm ví dụ học trò đó mà coi, xét đến mọi người cũng như vậy. Hễ ai biết mình thì mới ở nên thân, rủi ai đã hư thân thì đó là tại không biết mình, hay là quên mình đi mà chớ. Phải chi tôi hằng nhìn biết tôi là thày cả; phải chi tôi hằng nhớ tôi là kẻ làm quan; phải chi tôi hằng suy tôi là kẻ làm cha mẹ v.v. thì sao đến nỗi sinh truyện này bày truyện nọ? Sao đến nỗi thiên hạ thán oán kêu van, làng xóm lôi thôi, cửa nhà đồi tệ; nhất thiết tại một câu *bất tri kỷ*.

Vậy kim thời trường văn minh rộng mở, đuốc phong hóa xa soi, sự gì lạ ai muốn coi thì coi, việc nào hay ai muốn học thì học; song tiên vàn phải học cho biết mình, mới xứng là văn minh thật. Biết mình cho thật ấy là điều thượng trí cao minh, đó là bài thậm chi hữu ích.

Khuyên người hãy biết lấy mình,
Triết nhân tri kỷ sử kinh có nhời:
Lẩu thông mọi việc trong đời,
Phận mình không biết ắt thời luống công,
Luống công ấy sự đã xong.
Lại thêm mắc lỗi bởi không biết mình;
Biết mình mới thật văn minh,
Mới nên quân tử mới thành trượng phu.

BÀI THỨ II

Biết mình hẳn thật là người, Người cùng cầm thú ắt thời khác xa

Người khôn ngoan thì biết mình: Biết mình là ai, biết mình là giống gì. Có khi có kẻ lại nói rằng: ai lại không biết mình? Phải, ai cũng biết mình là mình không phải là kẻ khác, anh biết anh là anh; anh biết miệng anh, anh biết bụng anh; anh ăn, anh biết miệng anh, anh đút cơm vào: bụng anh đói anh biết, bụng anh no, anh cũng hay, anh biết mình như vậy chưa phải là biết mình đâu. Biết mình như thế thì loài cầm thú muông chim cũng biết. Kìa loài cẩu thú nó biết mình là mình, nên chẳng trở lại cắn mình; nó biết bụng mình, nên khi đói nó cũng biết tìm ăn, khi khát thì đi tìm uống. Nếu loài người

biết mình như vậy mà thôi thì sao cho xứng câu: *Duy nhân vạn vật chi linh?* Sao cho hợp chữ *nhân dữ cầm thú hữu biệt*. Vậy bây giờ anh đã rõ tôi nói *người khôn ngoan biết mình* là biết làm sao. Thày Phu-tử nói rằng: *Bất hoạn nhân chi bất kỷ tri, hoạn bất tri nhân dã:* Chớ buồn vì người ta không biết mình, song buồn vì mình chẳng biết người ta.

Mình chẳng biết người ta, ý lời ấy là làm sao? Là: mình chẳng biết người ta là người ta, mà cũng chẳng biết mình là người ta nữa, ấy là hai đều rất đáng buồn, rất đáng tiếc: Tiếc cho người thế mà không biết thân phận người thế, buồn cho kẻ có tâm linh, mà không biết dụng tâm linh, cho nên không biết mình cho rõ. Tuy dầu biết mình là con người, mà chưa

rõ con người là con làm sao. Biết con người có tên là con người thì chưa gọi là biết. Hễ có tên ắt có nghĩa, mà có nghĩa phải cho rành mới xứng danh xứng vị. Làm thân con người mà không biết con người là chi, thì sao cho xứng danh xứng vị? Vậy hỡi đấng làm người, hãy biết người là chi, con người có phải như con cầm thú hay là khác? Sách Đại-học có lời rằng: *Nhân tâm chi linh mạc bất hữu tri:* Cái lòng con người là linh thiêng chẳng có ai mà chẳng có tài hay suy biết. Trong Kinh-thơ có câu rằng: *Nhân vi vạn vật chi linh:* Loài người là linh thiêng hơn loài vật. Xét bấy nhiêu đủ hiểu con người là chi và khác loài cầm thú là tại làm sao. Luận về phần xác mà thôi thì con người và loài vật chẳng khác gì nhau: vì chưng ta có

đầu mặt, chân tay, thì nó cũng có như vậy; ta biết ăn, biết uống, thì nó cũng biết như vậy, ta biết cử động, thì nó cũng biết: ta có sinh có trưởng, thì nó cũng có như ta. Luận về bấy điều mà thôi, thì thật *Nhân dữ cầm thú vô dị;* song luận cho sâu, suy cho chín, hiểu cho cùng, thì phải tìm cái điều chính làm cho người ta nên thật người ta. Bởi chưng mọi loài bất luận là loài chi, thảy điều có cái thể chất riêng, để biệt loài này ra khỏi loài nọ. Vậy thể chất riêng loài người là cái *tâm linh,* ấy là điều ta gọi là *linh hồn,* ấy là điều riêng của con người; có *linh hồn* mới nên con người; có đầu mặt chân tay, tứ chi bách hài cụ túc; mà không có tâm linh, thì chẳng qua là cầm thú. Bởi tâm linh mà làm cho người ta *vi vạn vật chi linh;* có

tam tư thất tình, biết tam cương ngũ đức, cũng là nhờ có tâm linh. Có tâm linh mới hay đàm đạo sự lý, có tâm linh mới biện nghị thủy chung. Con người biết nói năng biết đối tiếp, biết xét thị phi chân giả, biết so trường đoản khúc tà, đó cũng là nhờ tại nơi cái tâm linh.

Xét trong bách công tứ nghiệp, tập nên nghiệp, luyện thành nghề, cũng nhờ cái tâm linh, biết buôn bán số lời tính lỗ, biết học hành ôn cố tri tán, cũng là nhờ cái tâm linh chỉ định. Có hình hài mà chẳng có tâm linh, thì là một khối nhiên vô cử động, nghĩa là có xác đó mà chẳng có linh hồn, thì như một khối một hòn chẳng hề lay động, huống nữa là đàm đạo thị phi, biện phân chân giả.

Ấy người khôn ngoan thì biết mình là biết như vậy: biết mình là người: mà cũng hiểu *người* là làm sao. Khi đã hiểu được điều ấy thì tự nhiên biết ăn ở xứng thể loài người; chẳng dám buông lòng như loài cầm thú, chẳng ở khờ khạc như vật khối nhiên, một xuất lực dụng tâm mà ở cho xứng câu nhấn linh ư vạn vật.

Nhân vi vạn vật chi linh
Ấy phải biết mình có tính linh thiêng;
Linh thiêng ấy của người riêng,
Mỗi người có một mới nên con người.
Cương tam thường ngũ an nơi,
Nhân luân biết giữ, cuộc đời biết lo.
Đều hơn thiệt, việc căn do,
Tâm linh chỉ vẽ dặn dò mới hay.
Biết mình là biết như vầy,
Lại còn phải biết mấy bài tiếp theo.

BÀI THỨ III

Biết mình có một linh hồn,
Có hồn mới biết dại khôn chính tà

Người khôn ngoan thì biết mình. Vậy anh đã biết mình chưa? Tôi biết mình rồi; tôi biết tôi là loài người, là loài có xác và linh hồn. Phải, anh biết như vậy là biết mình đó; song chưa phải là biết mình cho rõ; vì chưng nếu ai hỏi anh; sao mà anh biết mình có linh hồn, thì anh sẽ thưa lại làm sao? Ở anh, là bạn nghĩa tri âm, đã quyết tâm chính lộ, tôi xin thưa thay cho anh. Vậy loài người bất luận là ai, dẫu người trí tuệ cao minh, dẫu đứa ngu si mộc nột, dẫu ông cổ lao, dẫu trẻ bé thơ, dẫu người lành mạnh, dẫu kẻ điên cuồng, mỗi người thảy có một linh hồn. Lương tâm hằng nói như vậy, chính lý cũng dạy

như vậy, bách tính hằng tin như vậy, sách vở cũng chép như vậy. Cần gì mắt phải thấy thì lòng mới tin, chớ thì câu *cứ lý bất khả cứ mục* tai chưa hề nghe sao? Ai nấy hãy hồi tâm lại mà hỏi mình coi thử mình có giống loài vật hay không. Thật ai cũng tin rằng mình khác loài vật, mình hơn loài vật, đến nỗi khi ai riếc mắng mình là đồ trâu, đồ chó, thì mình bèn đỏ mặt tía tai, lấy làm điều sỉ nhục. Lương tâm ai nấy cũng chứng rằng: mình biết suy biết xét biết muốn biết bàn, ấy là những việc phần xác không lẽ làm được mà cầm thú làm cũng nan phương. Vậy đã rõ trong mình người ta phải có một hồn nào linh thiêng phép tắc hơn hồn cầm thú, mới làm được các việc thể ấy. Kìa xem chiếc tàu hỏa, cái xe hơi máy móc xoay vần, bánh xe chuyển

động, đó là tại có cái sức gì ở trong, mới được làm vậy; luận về các việc trí tài, các đồ cơ xảo nơi con người cũng như thế, phải có hồn thiêng bày vẽ sửa sang, mới làm nên cơ cuộc. Bởi chưng chính lý dạy hễ có sở diên *(effet)* ắt phải có cố diên *(cause)* như có khói thế tất phải có lửa: Vậy con người có trí có tài biết lo biết liệu mà không có linh hồn làm sao được.

Chẳng những lương tâm và chính lý nói cho ta hay mình có linh hồn; mà lại lòng bách tính khắp nơi điều tin tưởng như vậy, điều nói ra như vậy. Dẫu nơi kinh kỳ thành thị, dẫu chốn mọi rợ quê mùa ai ai cũng đều tin có linh hồn. Không tin sao lại hô chín vía ba hồn? Ấy đã rõ con người chẳng những có sinh hồn như thảo mộc thanh ba và có giá hồn như côn

trùng cầm thú, mà lại cũng có linh hồn mới biết lẽ thị phi, mới tở tài giáo hóa. Gọi rằng ba hồn vì ý làm vậy; song trong con người chẳng phải ba hồn ấy ở riêng làm ba vị đâu, chỉ có một linh hồn mà linh hồn ấy gồm cả hai hồn kia, thành một hồn mà có đủ ba điều chẳng thiếu, vì linh hồn là cội rễ làm cho người ta được sinh trưởng, được vận động và biết suy xét cùng làm mọi việc khác. Bởi có linh hồn ở trong xác, nên làm cho xác con người hóa ra trân trọng đáng kiêng đáng dè hơn xác cầm thú muông chim; tra tay làm thịt con cầm thú, thiên hạ lấy làm thị thường, cầm gươm chém con người ai mà khỏi ghê gớm, ấy là vì có linh hồn ở trong xác, nên mới xui lòng người ta kiêng vì dái sợ làm vậy. Bên lương thì cha mẹ đã qua đời, xác

đã đem chôn khỏi nhà rồi, con chúa cũng còn đơm cúng, vì rằng: *Sự vong như sự tồn, sự tử như sự sinh,* ấy là dấu con cháu tin ông bà cha mẹ có linh hồn.

Bởi thiên hạ xưa nay điều tin như vậy, cho nên trong sách vở hiền nhân để lại cũng có nói đến linh hồn, như quân tử Cicêrô cũng biết nói rằng: *Thiên Chúa đã sinh loài người có tâm linh thì làm cho loài người nên giống Thiên Chúa ít nhiều* (Cic. de Leg. I, 22). Ông Salluste lại nói rõ hơn nữa mà rằng: *Ta có linh hồn và xác hồn làm cho ta nên giống thần tiên, xác là phần chung ta vuối loài cầm thú* (Sallust Bell. Calil). Trong sách nho nói rằng: *Sinh ký tử quy:* sống gửi thác về, vậy nếu không có linh hồn thì lấy chi mà về? Xét qua mấy lẽ thì đủ rõ làm người thì có linh hồn; anh

có linh hồn anh, tôi có linh hồn tôi, linh hồn nào ở trong xác ấy, mà làm cho xác được sinh trưởng vận động tư lương, làm cho con người vượt loài cầm thú. Vậy ở anh, anh có linh hồn, xin anh hãy dùng tài trí linh hồn anh một phen mà chiêm nghiệm các nhời tôi nói đó.

Loài người hẳn có tâm linh,
Xưa nay thiên hạ thảy tin như vầy;
Việc làm tiếng nói tỏ bày,
Lại thêm sách vở xưa rầy chép ghi.
Vậy ai còn dám hồ nghi,
Ấy là một kẻ ngu si đã đành.
Sống mà chẳng biết phận mình,
Sống không an phận, chết sinh thêm rầy,
Linh hồn sống đã không hay,
Chết rồi mới biết, biết rầy khó toan.

BÀI THỨ IV

Biết mình thì biết hồn tính thiêng liêng, Xác dầu có chết, hồn nguyên sống hoài

Người khôn ngoan thì biết mình. Nay anh đã biết mình chút đỉnh, thì đã nếm chút sự khôn ngoan, vậy đã nếm thì hãy nhai cho biết mầu, ăn cho thấm vị, nghĩa là đã khỉ sự biết mình thì biết cho cùng, suy cho thấu. Anh đã biết đã tin chắc anh có linh hồn thì hãy biết linh hồn là làm sao. *Linh hồn là tính thiêng liêng chẳng hề chết được*. Ấy là bản tính linh hồn. Linh hồn con người khác giác hồn loài cầm thú vì như vậy. Hồn cầm thú ở trong cầm thú thì làm cho nó được sống được vận động mà làm các việc theo loài nó; song khi nó chết thì hồn nó cũng tiêu tan,

chẳng khác thể như ngọn đèn khi nó đỏ thì có sáng có nóng đó, mà nó tắt một cái thì xong truyện. Còn linh hồn loài người, đã cho tên là *linh,* thì thật là linh, không hay tan chẳng hay chết, ấy là điều chắc thật chẳng hồ nghi, sách thánh hiền ghi, nhời thiên hạ nói, lý sự giữa càn khôn, tâm tình nơi đứa dại đũng điều làm chứng rằng: *Linh hồn là thiêng liêng chẳng hề chết được*. Gọi rằng thiêng liêng vì mắt xác thịt xem không thấy, bởi nó thiêng liêng nên nó mới làm được các việc thiêng liêng, chẳng cần gì phải có bách thể tứ chi, mới làm được, như tưởng, suy, ưng, muốn, luận lý, nghĩ tính, bàn bẽ khoa ngôn, gẫm điều kín nhiệm v.v. ấy là những việc thiêng liêng, nên phải có linh hồn thiêng liêng mới làm được. Mà hễ là

thiêng liêng tức thị là hằng sống, cho nên dẫu xác chết hồn cũng còn sống mãi, mấy trăm năm cũng còn sống, qua mấy kiếp cũng chẳng hề tan. Thiên hạ điều tin như vậy; kìa xem người ngoại giáo; ông bà cha mẹ chết đã mấy trăm năm cukngx còn đơm cúng mãi, vì tin ông bà cha mẹ về hưởng dùng; vậy nếu như không tin hồn ông bà còn sống thì cần chi phải cúng cấp mãi. Lại cũng hay tin ông bà cha mẹ về bảo hộ cho con cháu. Vậy xác đã chết ra gio, mà nếu hồn cũng tan ra như mạt, còn lấy chi mà nói rằng: *Bảo ngã tử tôn, thành ngô gia quốc*. Kìa nghe khi trâu, heo, mèo, chó chết, thì nào có ai nói rằng: con trâu tôi qua đời rồi, con heo tôi sinh thì rồi v.v. mà khi kẻ nọ người kia chết, thì người ta nói ông nọ đã qua đời, bà kia

đã sinh thì, vậy tiếng *qua đời* tiếng *sinh thì,* thì chỉ nghĩa linh hồn hãy còn sống. Lạ! Giờ chết sao gọi là *Buổi sống?* Giờ chết sao kêu bằng *bỏ đời này mà qua kiếp khác* chẳng qua là tại linh hồn hằng sống bỏ đời tạm mà đến chốn đời đời, cho nên mời gọi là *qua đời, sinh thì.* Con loài vật khi nó chết thì nói rằng nó chết, nó mất thì nói rằng: nó mất; khi nó chết không ai nói nó mất; mà con người đã chết thì người ta cũng nói rằng *mất;* vậy tiếng *mất* thì chỉ nghĩa con chỗ nào đó, mình không gặp mà thôi, chứ không phải là tiêu tan đi đâu; ấy những nhời thiên hạ nói, những cách thiên hạ làm, điều chỉ tỏ linh hồn hằng sống. Mà xưa nay sách vở hiền nhân cũng có nhiều câu chứng điều ấy, nay chỉ nhắc lại một câu thường nghe là câu thày

Mạnh-tử nói: *Sinh ký tử quy sống gửi thác về*. Lại trong sách Ấu dương Tu cũng nói rằng: *Thị tử nhi quy,* lấy giờ chết làm như buổi về. Vậy nếu như chết rồi hồn cũng nát, xác cũng tan, thì lấy chi mà về? Ai nấy đã rõ xác không về được vì chết rồi thì thối tha hư nát. Ấy vậy phải nói rằng: *hồn về;* mà nếu như tiêu tan đi thì lấy chi mà về, tức thì phải nói rằng *linh hồn hằng sống*. Các quân tử ngoại đạo đời xưa bên Tây cũng có nói đến linh hồn hằng sống; như ông Ovide thì nói rằng: giời đã sinh người ta nên giống ảnh hình các bụt (Ovid. Métamorph). Vậy dẫu họ tin nhầm về các bụt, song cũng tin các bụt là hằng sống, vậy nếu như tin linh hồn có bản tính như các bụt thì cũng là tin linh hồn hằng sống.

Vậy *người khôn ngoan biết mình* thì cũng biết mình có linh hồn hằng sống. Đã biết điều ấy thì phải biết xác chết hồn đi đâu, mới cho là người thận chung truy viễn.

Mỗi người có một tâm linh,
Xác dầu hay chết, hồn linh sống hoài.
Ấy điều chắc chắn không sai,
Muôn dân thiên hạ xưa rầy vẫn tin.
Người không giữ, chữ còn in,
Miệng dầu muốn chối việc thì đinh ninh.
Nếu hồn đã gọi rằng linh,
Ắt cùng phải có *thường sinh chi hồn*.
Làm người đã có trí khôn,
Phải thông mấy chữ *sinh, tồn, tử, vong*.

BÀI THỨ V

Biết mình thì biết thưởng phạt có ngay, Muốn sau được thưởng sống rầy phải lo

Người khôn thì biết mình. Biết mình hồn tính thiêng liêng, xác dẫu hay chết hồn nguyên sống hoài. Vậy sống hoài thế tất phải đi đâu; nếu anh không biết chết rồi hồn anh phải đi thì anh chưa biết mình cho giọn. Anh có một linh hồn thiêng liêng hằng sống, tôi cũng có một linh hồn như vậy, vì tôi cũng là loài người như anh. Có bao nhiêu người ở thế ắt có bấy nhiêu linh hồn; linh hồn ai ở trong xác ấy, vậy việc ai làm thì ở trong xác ấy: anh suy, anh muốn, anh nói, anh làm, thì tự tại nơi anh: anh hay nhờ, giở anh chịu, như có ca thiên hạ rằng: *Bụng làm dạ chịu, bụng dạ* cũng là đó. Song

thấy trong thiên hạ vốn cũng đồng nhân loại như nhau, nhưng lại có câu *Bá nhân bá tính*. Bởi bá nhân bá tính nếu có người thì tính hiền từ đức hạnh, có kẻ tính lại lỗ lược hoang đàng; có người biết thủ đạo tu thân ái nhân khắc kỷ; có kẻ lại mang tâm phóng túng, hiếp chúng phì tư, có người biết quảng trạch thi ân, cấp dân độ thế, như vua Vũ vua Thang; có kẻ lại hoành hành bá đạo suất thủ thực nhân, như vua Kiệt vua Trụ. Những người ấy ai nấy cũng có một linh hồn thiêng liêng sống; vậy thời khi xác chết đoạn, hồn mấy người ấy thảy điều về với nhau một noi cả sao? Sách rằng: *Văn vương tại thượng. Tam Hậu tại thiên,* thế tất Kiệt Trụ không lẽ rằng tại thượng tại thiên; hễ không tại thượng ắt tại hạ,

không tịa thiên ắt tại địa. Thiên ấy giáo hữu ta gọi rằng: *Thiên đàng*. Địa ấy ta xưng là *Địa ngục*. Sách Kinh Thi nói tỏ rõ về Thiên đàng mà rằng: *Văn Vương tại thượng, ô chiếu vu thiên,* nghĩa là vua Vương ở trên, được chói lói cõi giời! Nơi khác lại rằng: *Tam vương chi thần dĩ tại thiên hĩ*. Linh hồn ba vua đã ở trên giời.

Những câu ấy điều chỉ tỏ các đấng nhân hiền xưa nay điều tin linh hồn kẻ biết làm lành lánh dữ khi còn ở thế, thì khi chết đoạn sẽ được lên chốn tiêu rao là thiên đàng; mà nếu như kẻ làm lánh lánh dữ được lên chốn tiêu rao thì kẻ bê trễ việc lành, tính hung làm dữ, thế tất cũng về một nơi khác gọi là hỏa ngục, để chịu gia hình cho xứng kỳ tội. Nơi ấy thế thường quen gọi là âm phủ, có kẻ gọi là

hà bá, bởi đó khi họ chúc dữ cho nhau thì cũng có quen rằng: *Diêm vương hà bá kéo cổ mày xuống cho rồi,* ấy là những tiếng chỉ rõ ai nấy điều tin có thiên đàng hỏa ngục để cho linh hồn khi chết được về; câu *tử quy* ấy là quy về một nơi trong hai nơi đó, chớ nhầm mà tưởng rằng: *Nhân tử cốt chi vu thổ; hồn khí vu thiên,* nếu như vậy thì lên giời dễ lắm sao? Kẻ lành người dữ cũng điều lên giời được cả sao? Giả như anh xây một đền đài đẹp đẽ nguy nga, mà ai anh cũng rước vào đó cả, họ là quân vương sĩ tướng, nọ là phú quý bần cùng, kẻ lành mạnh hẳn hoi, người tật tàn phong hủi, ngôi trung thần nghĩa sĩ, đứa ngụy đảng du côn, nhất thiết anh rước vào một đền ấy cả, thì ai mà chẳng cho anh là một

tên khùng lão dại? Vậy nếu như kẻ lành kẻ có phúc đức được lên giời mà hưởng câu *thụ lộc vu thiên,* thì kẻ hoang đàng tội lỗi phải xuống địa hình mà chịu quyền Tạo hóa kiên giam trừng trị, như nhời Kinh-thơ rằng: *Thiên thảo hữu tội:* Giời phạt đứa có tội, mà chưa thấy phạt, biết mấy kẻ làm lành mà chưa gặp thưởng. Vậy phải có đời sau mà thưởng phạt mới hợp lẽ công bình; *Thiện ác nhược bất báo, càn khôn tất hữu tư,* nghĩa là điều lành việc dữ, nếu giời không thưởng phạt ắt chẳng công. Nếu anh còn khinh câu ấy vì rằng: là câu *Minh Tâm* nói mép, thì anh hãy nghe câu Kinh-thi rằng: *Phúc thiện họa dâm... Thiên mạnh phát tầm,* nghĩa là kẻ làm lành sẽ gặp phúc, đứa làm dữ sẽ lâm

ương, phép giời chẳng sai nhầm được. Vậy ở người hữu trí, hởi kẻ minh nhân, hãy chiêm nghiệm bấy nhời phân giải, mà dốc chí tìm nẻo thiên quang, kẻo một mai hồn lìa khỏi xác, thiên đàng đà không thăng hưởng, địa ngục lại vương mang. Ô hô tam số, khốn khổ muôn đời, bấy giờ luống công than vắn thở dài, bởi đã không làm lành lánh dữ.

Biết mình hồn tính thiêng liêng,
Xác dầu có chết hồn nguyên sống đời.
Sống đời ắt phải về nơi,
Thiên đàng địa ngục mặc thời than ta.
Lành không cứ dữ không xa,
Thiên đàng đà hỏng, lại sa địa hình,
Tu thân tích đức đinh ninh,
Địa hình ắt khỏi thiên đình được lên.

BÀI THỨ VI

Biết mình thì biết có đấng tạo sinh, Cầm quyền thưởng phạt công bình chẳng tư

Người khôn thì biết mình. Biết mình là loài người có hồn có xác, xác tạm gửi chốn trần gian, hồn thiêng vẫn hằng sống mãi, nên khi lìa ra khỏi xác ắt phải về một nơi mà lĩnh phần thưởng phạt, nơi ấy hoặc thiên đàng phúc lạc hay là hỏa ngục trầm luân, người khôn biết sự cùng mình là như vậy, song biết như vậy mà không lo tầm nguyên cố sự để biết cho cùng, lo cho tới, thì chưa gọi là khôn. Vậy đã biết rằng hồn lìa ra khỏi xác liền về nơi thưởng phạt là thiên đàng hay là hỏa ngục; *sinh ký tử quy* ấy là đó, song người khôn ngoan còn phải xét ai sẽ thưởng

phạt mình làm vậy. Ở đời có vua quan ban thưởng tôi trung thần, nghiêm trừng quân nghịch đảng; khi chết rồi vua quan chẳng làm gì được nữa. Vậy thì thiên đàng ấy ai cho lên, hỏa ngục kia ai phạt xuống, hay là tự tình mình lên xuống như vậy? Cứ theo nhời thày Phu-tử nói: *Thiên báo chi dĩ phúc, Thiên báo chi dĩ họa,* thì đã rõ việc thưởng phạt thì ở tại nơi giời, hễ ai thuận thừa theo ý giời thì giời để cho còn hồn là cho lên thiên đàng; bằng ăn ở nghịch mạnh giời thì phải mất linh hồn, nghĩa là phải trầm luân vào hỏa ngục. Bởi đó thày Mạnh-tử nói rằng: *Thuận thiên giả tồn. Nghịch thiên giả vong.* Bây giờ ta hãy hiểu tiếng giời nói đó là chi? Thế thường hay gọi là *giời* hay là *Ông giời;* mà trong sách Nho thì gọi là *Thiên;* song người khôn ngoan thì phải hiểu tiếng *giời*

chữ *Thiên* đó cho đúng. Vậy tiếng *giời* và chữ *Thiên* nói đây thì hiểu về Đấng ngự trên giời; chẳng phải hiểu về bầu giời xanh xanh, con mắt ta thấy đó đâu; vì giời đó chẳng qua là khí nổi lên làm giời, bởi một khí lớn hư không mù mù vậy mà thôi, như nhời Hồ Thị rằng: *Khí phù nhi vi thiên dã, bất quá mang mang nhất thái hư nhĩ.* Giời thể ấy là giống bất ứng bất linh, vô tri vô giác, nên không lẽ thưởng phạt gì ai. Còn *giời* nghĩa là Đấng ngự trên giời, *Thiên* chỉ về chính Đức Hoàng Thiên, thì thật là Đấng oai quyền phép tắc, sinh thành nhân vật cầm quyền sinh tử trong tay, phạt dữ thưởng lành tại đó. Bởi vậy nên Kinh-thơ nói rằng: *Thiên đạo phúc thiện họa dâm,* nghĩa là: thưởng người lành phạt kẻ dữ là phép giời. Bây giờ có khi anh hỏi rằng: Nếu *giời* chỉ nghĩa Đấng ngự trên

giời, *Thiên* chỉ về Đức Hoàng Thiên, thì cớ sao thiên hạ không nói cho rõ, sách không chép cho rành để nhân dân cứ nhầm mà hiểu giời này ra giời nọ? Hễ đọc thơ phải cầu lý, nghe tiếng phải dò câu, cần gì phải nói đi giặn lại như tuồng truyện trò cùng con nít. Giả như câu này: *Tôi đến trình với làng, cho tôi ở trong làng,* thì hai tiếng *làng* đó anh hiểu làm sao? Có phải đồng một nghĩa như nhau không? Hẳn không, vì tiếng *làng* trước chỉ kẻ cả trong làng, chức việc làng; còn tiếng *làng* sau thì chỉ đất làng. Xét một tiếng *làng* đó đủ hiểu tiếng *giời* và chữ *Thiên*. Vậy như nói rằng: *Hãy thờ giời, để sau được lên giời,* thì hai tiếng *giời* đó cũng hai nghĩa, không lý sấp mình xuống thờ lạy giời xanh đó, để sau lên ở trên nó. Lẽ đâu lại thờ nó, lẽ đâu lại lên trên nó mà cỡi? Bởi đó chớ hiểu

tiếng: *giời* một nghĩa kẻo nhầm, phải phân chữ *Thiên* cho đúng kẻo lạc. Như mấy câu này: *Nhờ giời cho, giời sinh, giời dưỡng* v.v. đó là chỉ Đấng ngự trên giời. Còn chí như nói rằng: *giời mưa, giời gió, giời động* v.v. tiếng giời đây là chỉ giời xanh con mắt ta thấy đó. Chữ *Thiên* cũng vậy, như câu *Thiên sinh đức ư dư* (giời sinh tài năng cho ta) *hoạch tội vu Thiên* (Phạm tội mất lòng giời). Chữ *Thiên* trong hai câu đó chắc là chỉ về Đức Hoàng Thiên. Còn chí như câu rằng: *Thiên phú địa tái* (giời che đất chở). *Ô chiếu vu thiên* (ôi: chói lói trên giời), chữ *thiên* đây chỉ về bầu giời đã rõ. Bởi chữ *Thiên* và tiếng *giời* chỉ ý nghĩa không được phân minh, ngu dân có khi hiểu lẫn, nên trong đạo đã dùng hai chữ *Thiên Chúa* hay là *Đức Chúa Giời* mà chỉ Đấng tạo thành thiên địa nhân vật.

Vậy ở người giáo hữu, hỡi bạn đồng bang, muốn rạng tiếng kẻ khôn ngoan, phận mình phải lo mà biết: Biết mình là nhân loại, có hồn thiêng liêng hằng sống; khi xác chết đoạn thì hồn về lĩnh phần thưởng phạt Thiên Chúa đã định cho, mặc việc lành giữ đã làm khi còn hợp cùng xác.

Xác hồn rầy hợp cùng nhau,
Khi hồn lìa xác, đời sau phải về.
Thiên đàng chính thật là quê,
Kẻ lành về đó mọi bề hỷ hoan.
Địa hình khổ hải tân toan,
Phạt cầm kẻ giữ gian nan đời đời.
Ấy là phúc họa hai nơi,
Chẳng ai khỏi một lưới giời dẫu thưa.
Muốn thiên đàng tội hãy chừa,
Khâm sùng Thượng Đế khắc thừa Hoàng Thiên.

BÀI THỨ VII

Biết mình thì biết có một chúa giời, Bao nhiêu thần phật ắt thời phải kiêng

Người khôn thì biết mình. Biết mình có lúc bỏ đời, về nơi thưởng phạt Chúa Giời định cho. Vậy đã biết rằng quyền thưởng phạt đời sau mặc tay Thiên Chúa sở định tùy việc người ta đã làm.

Nay người khôn ngoan lại xét vì làm sao quyền thưởng phạt, là ở tay Thiên Chúa? Kẻ giữ đạo Thiên Chúa cho nên thì Thiên Chúa thưởng, giữ không nên thì Thiên Chúa phạt; còn người ngoại giáo thì cũng phải qua tay Thiên Chúa thưởng phạt nữa sao? Phải lắm. Bởi Thiên Chúa là Chúa cả muôn dân, là Vua chung mọi nước, đã cho tiếng rằng *Giời*, đã xưng gọi rằng *Thiên,* thì chạy đâu cho khỏi

chữ *giời che,* đi đâu cho khỏi câu *thiên phú.* Vậy bầu giời xanh thoát đà không khỏi, thoát sao cho khỏi phép Chúa Giời. Sách rằng: *Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu.* Lưới giời lồng lộng thưa mà khó lọt, xét đó lưới giời chẳng để lọt ai: Dần ai ai cũng phải qua lưới giời, nghĩa là phải qua tay Chúa Giời. Xưa có kẻ hỏi thày Phu-tử rằng: *Dự kỳ mị ư áo, ninh mị ư táo, hà vị dã?* Nghĩa là thiên hạ quen nói thà nịnh vuối thần giữ bếp hơn nịnh vuối thần giữ nhà, thì thày nghĩ làm sao? Thày Phu-tử giả lời rằng: *Bất nhiên, Hoạch tội ư Thiên vô sở đảo dã.* Nghĩa là nói như vậy không phải, nịnh vuối thần nào cũng không trúng, phải lo quỳ lụy giời mà thôi: vì dầu được lòng vuối thần nọ bụt kia mà mất lòng giời thì nan phương cầu cứu, *vô sở đảo dã.* Xét đó anh đủ hiểu quyền cả trên hết ở trong

tay giời, nghĩa là trong tay Thiên Chúa, dầu anh ở vuối ai hay mấy nước mặc lòng, mà anh dở bụng vuối Thiên Chúa thì đố anh chạy cầu cứu đâu được, *vô sở đảo dã*. Kinh-thi rằng: *Hữu mạnh tự Thiên,* nghĩa là việc phân định thì ở tại nơi giời. Lại có câu khác rằng: *Ký khắc hữu địch phỉ nhân phất thắng;* ngày giờ đã định kẻ dữ không lánh được. Vậy bất luận là ai hễ không thành tâm thờ giời nghĩa là Chúa Giời, thì ấy là *Hoạch tội ư Thiên,* mà hễ là *hoạch tội ư Thiên* ắt phải chịu câu *vô sở đảo dã*. Bởi đó các đấng nhân hiền xưa như Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu-công, Khổng, Mạnh v.v. dầu chưa rõ đạo giời song đã tận tâm thờ giời, cũng vì sợ câu *Hoàng thiên chấn nộ* và trông cho được chữ *thụ lộc vu Thiên*. Chưa từng nghe các đấng ấy thờ thần nào hay là dạy người ta thờ thần nào khác. Lại chính thày

Phu-tử thấy người ta bày những sự dị đoan sinh hại cho thiên hạ thì người ta than rằng: *Công hồ dị đoan,* ấy thật là điều hại mà chớ.

Vậy nói tắt một lời rằng: Từ xưa đến nay từ đông tây chí nam bắc ai nấy thảy đội một giời, ở một đất; lại cũng bởi căn nguyên một tổ, như lời rằng: *Tứ hải giai huynh đệ;* và trong Kinh-thơ nói về quyền Đấng ngự trên giời thì rằng: *Giám vu vạn phương;* Người xem xét mọi phương thiên hạ. Vậy phương nào mà chẳng thuộc quyền giời, người nào mà chẳng qua tay Chúa?

Sau nữa xin anh xét hai tiếng này; *cớ sao người ta* thì quen gọi rằng *Thiên hạ? Thiên hạ* nghĩa là ở dưới giời; trâu, heo, mèo, chó v.v. cũng ở dưới giời, sao khi nói *Thiên hạ* thì không hiểu về các loài ấy chỉ hiểu về *người ta* mà thôi? Hai chữ *Thiên hạ,*

nghĩa là *Thiên chi thần hạ,* nghĩa là kẻ làm tôi tá giời, kẻ ở dưới quyền giời. Các muông chim cầm thú tuy nó cũng thuộc quyền giời, vì giời đã sinh ra cùng hằng bảo tồn nó, song vốn nó là vô tri vô giác, nên không thể làm tôi giời như loài có trí khôn. Dưới đất này chỉ có loài người có trí khôn, nên chức *Thiên chi thần hạ* ở đời này xứng cho một loài người. Vậy bất luận là ai hễ thuộc về trong thiên hạ, thì thảy phải phục quyền giời và làm tôi giời khi sống, đến khi chết lại phải qua tay giời thưởng phạt cho xứng kỳ công đáng kỳ tội, *Hữu công tắc thưởng, hữu tội tắc trừng* ấy là đương nhiên chi lý.

Vậy hỡi người giáo hữu hãy vui mừng vì đã biết đàng thờ giời cho phải; hỡi người chưa biết hãy học biết cho mau. Các đấng hiền nhân xưa nay cũng có biết thờ giời,

nhưng thuở ấy còn mờ mờ chưa rõ, chẳng khác thể mặt giời khi mới rạng đông, thì không sáng tỏ bằng lúc chính ngọ. Nay ta nhằm chính ngọ mà cũng đã vào chính ngọ, vậy hãy thành tâm thờ giời ngõ sau được về giời, nói cho rõ hơn hãy hết lòng thờ phượng Đức Chúa Giời hầu được lên giời mà hưởng phúc vui vẻ vô cùng.

Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương,
Dầu phân bốn hướng cũng nương một giời.
Người lành kẻ dữ khắp nơi,
Phục quyền một Chúa nào ai khỏi mà.
Sống dầu bay thẳm chạy xa,
Chết rồi không khỏi đi qua lưới giời.
Vậy nay gẫm lại anh ôi,
Gẫm suy cho thấu bấy nhời biện phân.
Sống lo thờ Chúa ân cần,
Thác về quê thật lĩnh phần phúc thiêng.

BÀI THỨ VIII

Biết mình thì phải biết giời,
Giời là thiên chúa, mọi loài chứng minh

Người khôn thì biết mình. Biết mình khi chết đoạn phải qua tay Thiên Chúa thưởng phạt. Vậy bây giờ ai muốn hỏi làm sao mà biết có Thiên Chúa, thì người khôn ngoan cũng phải biết mà thưa. Sách nho kết thày Phu-tử là một người khôn ngoan duệ trí thì tôi xin mượn nhời thày ấy mà thưa thế cho anh rằng: *Nhân tri nhân, bất khả dĩ bất tri thiên,* nghĩa là vì đã biết người mà không lẽ mà không biết (Chúa) Giời. Nơi khác ông ấy lại rằng: *Tri kỳ tính tắc tri thiên hĩ,* nghĩa là ta biết cái bản tính ta, ta biết dùng tài năng ta thì ắt ta cũng biết Đức Chúa Giời.

Vì chưng làm người mà biết xét *Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy,* thì ắt xét lần hồi cũng biết có một Đấng trên hết đã sinh giời đất nhân vật ra cho có ở đời này. Ta suy các điều ta thấy, ta luận các điều ta biết, thì ta cũng lần tới cho đến khi biết có Thiên Chúa, như lời trong sách Đại-học rằng: *Mạc bất nhân kỳ dĩ tri chi lý, nhi ích cùng chi,* nghĩa là bất luận là điều chi ta nhờ theo cái lẽ đã biết, thì cũng tìm lần tới cùng được. Nay luận về Thiên Chúa cũng vậy, ta xét các vật ta xem, các điều ta thấy, thì ta đủ rõ có Thiên Chúa. Kìa cả vầng giời đất cả bầu thế giới nhật nguyệt tinh thần, dưới đất, thanh ba thảo mộc, tứ thời bát tiết, sinh giỗ cứ thì, lục khắc ngũ canh vần xoay cứ độ. Ấy ai sinh nên, ai gầy dựng? Ai bảo

tồn cho được vững bền, ai bài bố cho thành nề nếp? Một vật tế vi không kẻ làm nên thì cũng không lẽ có, huống nữa cả cuộc càn khôn, nếu không Đấng Tạo-hóa thì sao cho thành, không ai giữ gìn thì sao cho vững, như có lời thày Quan Doãn-tử rằng: *Thiên tự thiên hữu vi thiên giả dã, như ốc châu đãi nhân nhi thành, tất bất tự thành,* nghĩa là giời đất chẳng phải tại nó mà sinh nên được, phải có kẻ làm nên giời đất thì mới có, cũng như cái nhà chiếc thuyền, phải có người ta làm mới có, chẳng phải tự mình mà có. Ấy một vị tiên-sinh ngoại giáo mà còn biết nói lẽ chắc chắn làm vậy, thì cần gì phải kiếm lý đâu xa nữa. Nhưng nay cũng trưng thêm ít câu cho anh hay trong sách vở quân tử ngoại giáo bên tây bên tàu có nhiều đấng

năng nói về Thiên Chúa dầu không dùng hai chữ Thiên Chúa, song cũng dùng tiếng nọ tiếng kia thì ý nghĩa cũng đồng. Vậy quân tử Cicêrô nói rằng: *Trong thiên hạ không có dân nào mọi rợ đến nỗi không biết phải có Thiên Chúa, dầu không biết được Thiên Chúa là làm sao mặc lòng*. Cic. de Leg. I, 24; Tuscul. I. 30 etc...) Ông ấy lại rằng: *Ai dại đến nỗi xem lên giời mà không biết có Thiên Chúa?* (Cic. Harusp. resp. IX) ông ấy nói một lý tắt mà rằng: *Ta xem các việc Thiên Chúa làm, thì ta nhìn biết có Thiên Chúa* (Cic. Tusc. I. 70). Quân tử Sênêca rằng: *Khi ai làm điều gì lỗi mà kẻ khác không biết, thì chớ ngờ rằng mình được việc, vì có một Đấng hằng có hiện tại trước mặt ta, Người biết hết mọi sự* (Senec. apud

Lactant. VI. 24). Trong sách Kinh-thi (đại-nhã) nói rằng: *Thượng thiên chi tải vô thanh vô xú* nghĩa là trên giời có chở một Đấng không tiếng không hình, ấy nghĩa là một Đấng thiêng liêng. Trong sách nho các đấng hiền nhân khi nói về Thiên Chúa, thì quen dùng chữ *Thiên* hay *Hoàng thiên* hay là *Thượng đế;* như mấy câu rằng: *Thiên sinh đức ư dư... Dư úy Thượng đế bất cảm bất chính... Hoàng thiên Thượng đế giáng trung ư hạ dân v.v.* Trong mấy câu ấy cùng nhiều câu khác làm chứng tỏ thày Phu-tử đã dạy cho thiên hạ biết có một Đấng cao cả trên hết cai trị giời đất, Đấng ấy gọi là Thiên Chúa đó, thày Mạnh-tử cũng năng nói về Thiên Chúa, như khi người nói rằng: *Tồn kỳ tâm dưỡng kỳ tính sở dĩ sự thiên dã,* nghĩa là

giữ cái lòng cho thánh, tập cái tính cho thuần, mà thờ Chúa Giời.

Diễn mấy lẽ, trung mấy lời người khôn ngoan đủ tỏ giữa càn khôn, ắt có một Đấng cao sang trên hết. Đấng ấy đã sinh thành cùng hằng bảo dưỡng mọi loài mọi vật; Đấng ấy thật là chí tôn vô đối, hiệu đảng nan danh, không biết lấy tên nào mà xưng ra cho xứng, nhưng vậy giáo hữu tạm dùng hai chữ Thiên Chúa mà gọi Người; cũng đồng nghĩa như trong sách nho gọi rằng: *Thiên, Hoàng Thiên, Thượng Đế*. Vậy ở người giáo hữu đã biết Chúa chí tôn thì hãy lo thành tâm kính phục, ai chưa biết thì hãy tầm cố truy nguyên, kẻo nhầm câu *Hoành thiên chấn nộ*.

Mọi loài thẩy có chân nguyên,
Ấy là chính lý đương nhiên giữa đời.
Kìa xem cảnh cuộc đất giời,
Nếu không Thiên Chúa vậy thời ai sinh.
Vả thêm nhiều chứng đinh ninh,
Hiền nhân ghi chép sử kinh di truyền.
Chữ *Thiên Thượng Đế, Hoàng Thiên,*
Tuy dầu khác hiệu, ý duyên cũng đồng.
Làm người phải xét cho thông,
Biết mình cho tỏ mới trông nên người.

BÀI THỨ IX

Biết mình, thì biết phải thờ đấng chân nguyên
Vô thanh vô xú linh thiêng đời đời

Người khôn thì biết mình. Biết mình đã có một Đấng sinh ra: Đấng ấy đã sinh

dựng giời đất cùng sinh ra tổ tiên mình, rồi tổ tiên lại sinh ra con cháu, sinh lần sinh hồi sinh cho đến đời mình. Đấng ấy tuy hiệu đảng nan danh, song ta đã mượn một tên tùng tiệm mà xưng gọi là *Thiên Chúa*. Vậy người khôn ngoan đã biết bản tính mình là làm sao, cùng đã biết Thiên Chúa là Đấng sinh ra mình, thì lại muốn học cho cùng cho biết Thiên Chúa là làm sao. Vậy Thiên Chúa là Đấng tự hữu hằng có đời đời; là Đấng thiêng liêng vô hình vô tượng; là Đấng sáng láng toàn thiện toàn năng, tất một nhời rằng: Có một Thiên Chúa là Đấng có đủ mọi sự giọn tốt giọn lành chẳng khiếm khuyết một mảy tơ hào, hằng thanh nhàn vô chung vô thủy. Người là Đấng tự hữu nghĩa là bởi mình mà có, chẳng ai sinh Người ra được. Vì

chưng Người là Đấng trên hết; mà Đấng trên hết thì tất nhiên phải tự hữu. Ví dụ như số 2, 3, 4, 5 v. v, thì nói được số 1 sinh ra, vì 1 với 1 là 2; 1 với 2 là 3 v. v. Mà chí như số 1 thì không biết nói số nào sinh, vì nó là số trên hết. Thày Mạnh-Tử nói mấy câu rất xứng về Thiên Chúa tự hữu mà rằng: *Mạc chi vi nhi vi giả Thiên dã,* nghĩa là Đấng chẳng chịu ai sinh ra, mà hay sinh ra được loài khác thì ấy là Thiên (Chúa). Lại có câu khác rằng: *Tự hữu tác vi giả Thiên dã,* nghĩa là bởi mình mà có và có phép bởi mình mà sinh ra (các vật khác) thì ấy là Thiên (Chúa). Trong sách nho quen gọi Thiên Chúa là Thượng Đế, thì có người quân tử kia giải hai chữ Thượng Đế mà rằng: *Thượng đế nhất dã, dĩ kỳ tể chế, vạn vật chi vi chi*

chủ tắc vị chi đế. Nghĩa là Đấng Thượng Đế chỉ có một bởi phép tắc Ngài mà làm nên muôn vật, và làm chủ nó cho nên xưng Ngài là Đế nghĩa là Vua. Xét câu ấy đủ rõ các đấng nhân hiền xưa nay điều tin có một Đấng tạo hóa cùng bảo tồn vạn vật. Các đấng ấy điều tin thật Thiên Chúa là Đấng thiêng liêng và thông biết mọi sự. Kinh-thi nói: *Trên giời có một Đấng không tiếng không mùi, Thượng thiên chi tải vô thanh vô xú,* Thày Phu-tử nói: *Xem không thấy, lắng tai mà không nghe, Thị chi nhi phất kiến, thính chi nhi phất văn*. Thày Chu Hi nói về sự Thiên Chúa thông minh mà rằng: *Thiên chi thông minh vô sở bất cập* nghĩa là Thiên Chúa rõ biết chẳng có nơi nào mà Người chẳng soi thấu. Sách Kinh-thi có một câu rõ ràng

nói về sự Thiên Chúa ở khắp mọi nơi hằng xem thấy mọi sự, câu ấy cùng có trưng trong sách Trung-dung mà rằng: *Tướng tại nhĩ thất thượng bất quy vu ốc lậu,* nghĩa là Người thấy con tỏ rõ trong nhà con, dẫu phòng kín đáo lắm đến nỗi sự sáng chẳng lọt vào được, thì Người cũng thấy, nên thà con đừng làm điều gì đáng hổ ngươi. Vì vậy nên sách Trung-dung khen người quân tử hằng dái sợ Đấng mình không thấy và kiêng nể Đấng mình chẳng nghe. Vậy ở anh, anh muốn làm người quân tử thì cũng phải như vậy. Trong các sách nho quân tử ngoại giáo xưa đã làm thì không thiếu chi câu nói về Thiên Chúa và bản tính quyền phép ngài, song không phải nói chi dài lời, nay chỉ trưng thêm cho anh một câu thày quan

Doãn-tử chú nghĩa Kinh-thi mà rằng: *Thiên địa tuy đại hữu sắc hữu hình, hữu số hữu kháng, Ngô hữu phi sắc, phi hình, phi kháng số, phi nhĩ thiên nhiên, địa địa tồn... sinh sinh giả bất sinh, tử tử giả bất tử, tắc thị thiên thiên giả phi thiên, địa địa phi địa... Thiên trung chi Thiên*.

Phải chi mấy thày nho giải câu ấy cho rành, ắt chẳng có ai mở miệng nói rằng không có Thiên Chúa. Vậy câu ấy nghĩa là "giời đất dầu to lớn; cũng có sắc, có hình có số chừng bao lớn; còn Ta (Thiên Chúa) thì có bản tính không có sắc không có hình cũng không có số chừng bao lớn. Bởi không mà Tao đã làm cho giời có giời, đất có đất. Các vật sinh ra (ở đời) đó là Đấng ấy sinh ra mà Đấng ấy chẳng ai sinh ra; các vật gì chết thì chính Người làm cho

chết, còn phận Người thì chẳng hay chết. Ấy vậy Đấng đã sinh ra giời có giời, thì Đấng ấy chẳng phải là giời đâu; Đấng đã sinh ra đất cho có đất thì cũng chẳng phải là đất đâu. Giữa giời có một giời." Ở anh quân tử ngoại giáo nói về Thiên Chúa như vậy thì còn chi nữa mà nghi nan. *Giữa giời có một giời* nghĩa là giữa bầu giời đất đây thì có một Đấng, thế gian quen gọi là *giời* hay là *ông giời* mà bên đạo kêu bằng *Đức Chúa Giời* cho rõ hơn.

Giữa giời có một Chúa Giời,
Hằng có đời đời vô thủy vô chung.
Thiêng liêng sáng láng vô cùng,
Oai quyền, phép tắc, khoan dung tốt lành.
Chí công chí thánh chí thành,
Dựng nên muôn vật, tạo sinh nhân loài.
Ấy điều chân thật không sai,

Khuyên người quân tử nhớ hoài đừng quên.
Đời này giữ đạo cho nên,
Phượng thờ Thiên Chúa để đền công ơn.

BÀI THỨ X

Biết mình phải giữ đạo ngay,
Phượng thờ thiên chúa giúp giây chớ sờn

Người khôn thì biết mình. Biết mình là giống thụ sinh, công ơn Tạo hóa buộc mình phải lo. Người khôn ngoan hằng biết phận mình như vậy, nên ở đời chẳng dám lửng lơ kẻo một mai nan phương cầu cứu.

Bởi vậy người khôn ngoan còn biết mình ở đời phải làm chi cho được đền ơn Thiên Chúa, ngõ sau được về giời với Người kẻo phải loại ra như đứa thất trung mà về nơi khôn cùng khốn nạn. Vậy

muốn đẹp lòng Thiên Chúa và đền ơn giải nghĩa chút tỉnh cho thỏa công sinh thành bảo dưỡng thì hãy giữ đạo Thiên Chúa cho nên, chớ hề dám lu du li. Đạo Thiên Chúa ấy là đạo chính, vì dạy ta cho biết thủy chung bản mạt, có căn cước bởi giời lại dạy ta cho biết đàng lên giời; các nhân hiền thời xưa dầu chưa biết đạo chính cho rõ, song cũng biết rằng có một đạo chính, mà đạo ấy bởi giời đem xuống như lời sách Trung Dung rằng: *Minh đạo chỉ bản nguyên xuất ư Thiên*. Đã rõ ràng đạo ấy sinh ra bởi giời. Đạo sinh ra bởi giời nghĩa là Đấng ngự trên giời ban xuống để cho nhân dân khắp tứ phương được biết mà thờ Đấng ấy. Bởi có đủ rõ đạo chẳng khá bởi nhân tâm bày đặt, nếu nhân tâm bày đặt thì đó chẳng phải là xuất ư thiên. Thày

Phu-tử thấu thiên hạ theo nhân tâm vật dục mà chẳng xem sao đến đạo giời thì người than rằng: *Đạo chi bất hành hĩ phù*. Ôi! Người ta chẳng lo giữ đạo. Ông ấy lại rằng: *Đạo chi bất hành dã, ngã tri, chi lũ. Tri giả quá chi, ngu giả bất cập*. Nghĩa là người ta không giữ đạo thì ta biết rồi đó: Người ta không giữ là tại người đó trí thì đi quá hạn, người ngu si thì đi chẳng tới nơi. *Đi quá hạn* là làm sao, anh hiểu không? Đi quá hạn là tại mấy người có trí, thì có kẻ ỷ thế tài mình thông minh, lấy ý riêng mình làm phải, chẳng còn muốn nghe ai, nên ban đầu thì ở trong đạo chính, đến sau thì lạc nẻo tà, Kia như Ariô, Nestoriô. Tertulianô v.v. Ấy là *tri giả quá chi*. Còn *Ngu giả bất cập* thì nhiều lắm.

Bất cập nghĩa là đi không kịp, anh thấy người ta khi đi đàng với ai mà đi không kịp thì tại chi? Kẻ thì tại tính rù rờ đi chậm, người thì vì ươn ế ngại đi, kẻ thì bởi mang gánh theo mình nhiều đồ đạc, mà ai càng mang nhiều thì càng khó đi cho kịp. Ấy người ta ở đời theo đạo không kịp cũng vì những cớ ấy; kẻ thì vì chấp mê theo tính ngây muội chẳng xét đàng ngay lẽ chính, tưởng rằng ai thể nào mặc ai, mình ở lương ương như vậy cũng được; kẻ lại vì biếng nhác trễ tràng chẳng muốn chịu khó cho được rỗi linh hồn; kẻ thì vì vướng vất tư tình, vọng cầu thế phúc, chẳng muốn gỡ mình cho khỏi dây tơ hồng sắc dục, thêm lao đao giữa đồng tiền tài, nên nẻo chính càng ngày càng xa, đàng tà một lâu một tới. Ấy là

mắc gồng gánh nặng khó theo kịp đạo lành. Sách dạy ta phải làm sao cho được theo đạo thì rằng: *Tiễn kinh cức nhi tầm đại đạo.* Phải phát gai nhổ cỏ mà tìm đạo cả; lại có câu khác rằng: *Bạt vân vụ dĩ đổ thanh thiên,* gạt mây rẽ móc để thấy giời xanh. Ấy chỉ nghĩa là muốn tìm đạo thánh cho được lên giời thì phải dứt các vòng vướng vất tội tình là như gai góc lán đàng, là như mây đen che phủ. Ta nghĩ cuộc đời nhất đán phù sinh, rầy có mai không, sớm tươi chiều héo thèm chi đó mà bỏ phúc trường sinh...

Thèm chi của tạo sinh mà quên ơn Tạo hóa. Thôi, làm người quân tử hãy lo biết mình như vậy, biết cho thấu căn nguyên, biết cho cùng bản mạt. Nay nên kết lại rằng: *Người khôn thì biết mình,*

biết mình là con người có linh hồn và xác, xác một mai giã cuộc thế trần, dầu vinh ba phú quý đầy biển tràn non, cũng giã từ mà về năm ba thước đất; còn linh hồn thì thiêng hằng sống phải về chốn đời đời; đời đời ấy là thiên đàng vinh phúc, hay là hỏa ngục trầm luân. Ấy là hai nơi vĩnh viễn Thiên Chúa đã sắm mà thưởng công đức kẻ lành, cũng để gia hình kẻ dữ. Mà Thiên Chúa ấy là ai? Ấy là Đấng dựng lò Tạo hóa, sửa bức càn khôn. Mọi loài mọi vật trong giời đất thảy bởi Người dựng nên mới có. Còn chính Người là Đấng vô thủy vô chung, toàn năng toàn thiện là Chúa cả muôn dân, làm Vua chung mọi nước, nên ai nấy phải kính tôn phụng thờ. Muốn kính tôn phụng thờ Thiên Chúa cho nên, cho biết cách, thì hãy giữ đạo Thiên

Chúa. Mà đạo Thiên Chúa ấy là đạo nào thì anh đã rõ đạo ta đang giữ bây giờ. Thế gian có ngạn rằng: *Lụa tốt xem biên, người hiền xem tướng*. Nay luận về đạo cũng vậy; xem luật phép trong đạo, suy cách ăn thói ở bổn đạo thì đủ hiểu đạo chính là đạo Thiên Chúa chẳng lo nói chi dài. Đời tam đại Hạ Thương Chu có nhiều đấng giữ đạo Thiên Chúa; song lúc bấy giờ chưa có Đấng Chúa sai xuống thế mà dạy đạo cho rõ. Bởi đó trong sách nho chưa nói việc đạo cho rành, đến nỗi có nhiều lần có kẻ hỏi Phu tử về việc đời sau, thì thày cũng không biết giải làm sao, nên thày chỉ kết một câu mà rằng: *Thánh nhân hữu sở bất tri,* ấy đời ấy đạo Thiên Chúa như thể mới rạng đông, mà đời nay đã lên chính ngọ, vì đã đến kỳ *Thượng Đế*

giáng trung vu hạ dân, cho nên sự đạo Người đã dạy truyền đã tỏ rõ. Vậy ở anh là người giáo hữu, anh hãy mừng và cám tạ ơn người đã đem anh vào đạo chính; anh hãy biết mình phúc lộc là thế nào? Hãy dùng phúc cho nên, ngõ đời sau đắc câu vĩnh phúc. Bằng bấy lâu anh chưa biết mình cho thấu căn nguyên cùng bản mạt như vậy, thì hãy kíp lo kẻo nhỡ thời hối nhi bất cập.

Hối nhi bất cập anh ôi!
Khuyên anh lo hối, lôi thôi thêm rầy.
Cuộc đời khác nữa chờm mây,
Sánh dường bọt nước ví tày chiêm bao,
Sống không liệu chết làm sao,
Thiện ác đáo đầu hữu báo ư chung.
Người khôn phải nghĩ cho cùng,
Trạch thiện nhi thùng, mới gọi rằng khôn,

Khôn thì trước phải khôn hồn,
Là lo thờ Chúa chí tôn chí thành,
Đời nay nắm giữ đạo lành,
Dẫu lâm số bạc cũng đành dạ son.
Như vầy mới gọi rằng khôn,
Rằng khôn như vậy xác hồn mới yên.

BÀI TỔNG LUẬN

Có chữ rằng: *Vi thiện lối lạc, đạo lý tối đại,* làm lành rất đỗi vui, lẽ đạo rất cao cả: Vậy làm lành trước phải lo tu đạo, vì đạo là chính đàng dạy dỗ cho ta biết làm lành để sau được về quê lành là nơi hỷ hoan khoái lạc, ấy là vi thiện tối lạc. Nếu vi thiện là điều tối lạc, thì bất vi thiện ắt phải lạc trong tối. Vậy hỡi ai chưa biết đạo chính thì hãy tìm cho biết, vì hễ không biết đạo chính ấy là

không biết mình, mà hễ không biết mình sao đáng gọi là quân tử, sao cho xứng chữ triết nhân. Vì hễ không biết mình bởi đâu mà có, không biết mình ở đời phải làm chi, không biết mình chết rồi phải đi đâu, thì có lẽ nào mà biết câu vi thiện?

Đạo lý tối đại dầu nói mấy cũng không cùng, bàn lâu cũng không hết, tôi diễn qua mấy lời ai biết suy cũng hiểu, mà đã hiểu tức thị chẳng dám giả lơ, một lo mà tìm cho cùng đạo lý. Tôi diễn mấy bài tôi chẳng vịn lý trong đạo, chẳng trưng câu sách nào trong đạo, một trưng sách nho và sách quân tử ngoại giáo mà thôi, chẳng phải vì mấy sách ấy mạnh lý hay là rõ ràng hơn sách đạo đâu: song kẻo có kẻ nghĩ

rằng: *Tự gia ưng, tự gia vi chứng,* nên tôi mới lấy sách ngoại mà làm chứng sự đạo để cho ai nấy chẳng còn nói lý gì nữa, một lo tùng phục lẽ ngay mà tìm về chính lộ.

Tìm về chính lộ mới rằng khôn,
Khôn vậy phải lo kẻo thiệt hồn.
Hồn thiệt một phen vào địa ngục,
Ngục xa ngàn dặm cách thiên môn.
Thiên môn muốn nhập tìm chính lộ,
Chính lộ phải thờ Đấng chí tôn.
Tôn kính thành tâm như đã biết,
Biết mình như vậy ấy là khôn.

MỤC LỤC